HIỆP ĐỊNH

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ CÁC VẤN ĐỀ DÂN SỰ GIỮA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HOÀ PHÁP

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp,

Với lòng mong muốn phát triển và tăng cường quan hệ hợp tác trong lĩnh vực tư pháp, đã quyết định ký kết Hiệp định này;

Để thực hiện mục đích đó, đã cử Đại diện toàn quyền của mình:

Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cử:

Bộ trưởng Bộ Tư pháp NGUYỄN ĐÌNH LỘC,

Tổng thống nước Cộng hoà Pháp cử:

Chưởng Ấn, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ELISABETH GUIGOU,

Các Đại diện toàn quyền, sau khi trao đổi Giấy uỷ quyền hợp pháp và hợp thức, đã thoả thuận những điều dưới đây:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nước ký kết này cam kết dành cho Nước ký kết kia sự tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự. Các vấn đề dân sự nói trong Hiệp định này bao gồm các vấn đề pháp luật dân sự, pháp luật hôn nhân, gia đình, pháp luật thương mại và pháp luật lao động.

Điều 2. Cơ quan trung ương

1. Bộ Tư pháp của hai Nước ký kết là Cơ quan trung ương chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Hiệp định này.

2. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau; gửi yêu cầu tương trợ tư pháp kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Nước ký kết được yêu cầu; sự tương trợ tư pháp này được miễn phí.

Điều 3. Từ chối tương trợ tư pháp

Có thể từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp, nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp gây phương hại đến chủ quyền, an ninh hoặc trật tự công cộng của Nước ký kết được yêu cầu.

Điều 4. Trao đổi thông tin

Các Cơ quan trung ương, theo yêu cầu, thông báo cho nhau thông tin về pháp luật, cũng như trích lục bản án, quyết định của Toà án nước mình.

CHƯƠNG II
LIÊN HỆ VỚI TOÀ ÁN

Điều 5. Bảo hộ tư pháp

1. Để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, công dân của Nước ký kết này trên lãnh thổ của Nước ký kết kia được quyền liên hệ với các Toà án theo cùng những điều kiện dành cho công dân của Nước ký kết kia và có quyền và nghĩa vụ như công dân của Nước ký kết kia trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với pháp nhân được thành lập theo pháp luật của một trong hai Nước ký kết.

Điều 6. Miễn cược án phí

Công dân của Nước ký kết này trên lãnh thổ của Nước ký kết kia không phải chịu bất kỳ hình thức cược án phí nào vì lý do là người nước ngoài hoặc không có nơi cư trú hay chỗ ở tại nước đó.

Điều 7. Trợ giúp pháp lý

1. Công dân của Nước ký kết này trên lãnh thổ của Nước ký kết kia được trợ giúp pháp lý như công dân của Nước ký kết kia, phù hợp với pháp luật của Nước ký kết được yêu cầu trợ giúp pháp lý.

2. Trợ giúp pháp lý nói trong Hiệp định này bao gồm cả miễn hoặc giảm án phí, cũng như miễn hoặc giảm thù lao bổ trợ tư pháp.

Điều 8. Tiếp tục hưởng trợ giúp pháp lý

Khi một người đã được trợ giúp pháp lý trên lãnh thổ của Nước ký kết này trong quá trình tố tụng để Toà án ra quyết định, thì người đó cũng được trợ giúp pháp lý trên lãnh thổ của Nước ký kết kia mà không cần phải xem xét lại, khi yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định đó.

Điều 9. Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý

1. Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý phải gửi cho cơ quan có thẩm quyền của Nước ký kết được yêu cầu thông qua Cơ quan trung ương.

2. Đơn phải kèm theo giấy chứng nhận về thu nhập của người yêu cầu trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp áp dụng Điều 8 của Hiệp định này. Các giấy tờ kèm theo đơn phải được dịch ra ngôn ngữ của Nước ký kết được yêu cầu.

Điều 10. Thi hành quyết định về án phí

Quyết định của Toà án của một trong hai Nước ký kết buộc nguyên đơn hoặc người dự sự phải chịu án phí mà họ đã được miễn cược án phí thì sẽ được công nhận và cho thi hành không phải nộp phí ở

Nước ký kết được yêu cầu, theo đề nghị của Cơ quan trung ương của Nước ký kết đã ra bản án, quyết định đó.

CHƯƠNG III
CHUYỂN GIAO GIẤY TỜ

Điều 11. Chuyển giấy tờ

Khi cần chuyển giấy tờ của Toà án hoặc của cơ quan tư pháp khác cho một người sinh sống trên lãnh thổ của Nước ký kết kia, cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật của Nước ký kết yêu cầu chuyển yêu cầu tống đạt giấy tờ đó cho Cơ quan trung ương của Nước ký kết được yêu cầu.

Giấy tờ cần tống đạt phải được lập thành 2 bộ, dịch ra ngôn ngữ của Nước ký kết được yêu cầu, gửi kèm theo yêu cầu tống đạt.

Điều 12. Giao giấy tờ

1. Cơ quan trung ương của Nước ký kết được yêu cầu thực hiện hoặc cho thực hiện việc tống đạt giấy tờ theo cách mà mình xác định là thích hợp nhất, phù hợp với pháp luật của nước mình.

2. Bằng chứng của việc đã tống đạt được hoặc tống đạt không thành thể hiện bằng biên lai, giấy xác nhận hoặc biên bản. Những giấy tờ này kèm theo 01 bộ giấy tờ cần tống đạt được gửi trả lại trực tiếp cho cơ quan tư pháp đã yêu cầu tống đạt.

3. Không phải thanh toán hoặc hoàn lại các khoản lệ phí hoặc chi phí của Nước ký kết được yêu cầu về việc chuyển, giao giấy tờ.

Điều 13. Tống đạt qua đường ngoại giao hoặc lãnh sự

Mỗi Nước ký kết đều có quyền tống đạt giấy tờ cho công dân của nước mình trên lãnh thổ của Nước ký kết kia, một cách trực tiếp và không áp dụng biện pháp cưỡng chế, thông qua các viên chức ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mình.

Điều 14. Các hình thức tống đạt khác

Các quy định trên đây không cản trở:

- Việc gửi trực tiếp bản sao giấy tờ cho đương sự qua bưu điện bằng thư bảo đảm kèm theo giấy biên nhận;

- Việc một bên liên quan thực hiện việc tống đạt hoặc chuyển giao giấy tờ bằng chi phí của mình theo các phương thức hiện hành ở Nước ký kết nơi nhận tống đạt.

CHƯƠNG IV
THU THẬP CHỨNG CỨ

Điều 15. Uỷ thác tư pháp

1. Cơ quan tư pháp của Nước ký kết này có thể, bằng cách uỷ thác tư pháp, yêu cầu Cơ quan tư pháp của Nước ký kết kia tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ mà mình xét thấy cần thiết để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án mà mình đã thụ lý.

2. Văn bản uỷ thác tư pháp phải gồm những nội dung sau đây:

   a) Tên cơ quan yêu cầu và, nếu có thể được, tên cơ quan được yêu cầu;
   b) Họ, tên, địa chỉ của các bên và của đại diện các bên, khi các bên có đại diện;
   c) Tính chất và nội dung của vụ việc uỷ thác và bản tóm tắt sự việc;
   d) Các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ cần thực hiện.

   Văn bản uỷ thác tư pháp phải có chữ ký và đóng dấu của cơ quan yêu cầu.

3. Văn bản uỷ thác tư pháp phải gửi kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Nước ký kết được yêu cầu.

Điều 16. Cách thức gửi uỷ thác tư pháp

Văn bản uỷ thác tư pháp phải gửi thông qua các Cơ quan trung ương. Hồ sơ thực hiện uỷ thác tư pháp được gửi trả cho Cơ quan tư pháp yêu cầu cũng theo cách thức này.

Điều 17. Thể thức thực hiện uỷ thác tư pháp

1. Cơ quan tư pháp, khi thực hiện uỷ thác tư pháp, áp dụng pháp luật của nước mình về thể thức thực hiện uỷ thác tư pháp.

2. Tuy nhiên, nếu cơ quan yêu cầu đề nghị, cơ quan được yêu cầu có thể thực hiện uỷ thác tư pháp theo một thể thức đặc biệt, trừ khi trái với pháp luật của Nước ký kết được yêu cầu hoặc không thể thực hiện được theo thể thức đó vì trái với thông lệ của Nước ký kết được yêu cầu hoặc vì có khó khăn trong thực tế.

3. Uỷ thác tư pháp phải được thực hiện trong thời gian sớm nhất có thể được.

Điều 18. Chi phí thực hiện uỷ thác tư pháp

Không phải hoàn trả bất kỳ khoản phí hoặc lệ phí nào cho việc thực hiện uỷ thác tư pháp. Tuy nhiên, Nước ký kết được yêu cầu có quyền yêu cầu Nước ký kết yêu cầu hoàn trả thù lao đã trả cho giám định viên và các chi phí phát sinh do việc áp dụng một thể thức đặc biệt theo đề nghị của Nước ký kết yêu cầu.

Điều 19. Thực hiện uỷ thác tư pháp thông qua viên chức ngoại giao, lãnh sự

Mỗi Nước ký kết đều có quyền cho thực hiện, không áp dụng biện pháp cưỡng chế, các uỷ thác tư pháp, thông qua các viên chức ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mình, nếu các uỷ thác này liên quan đến công dân của nước mình.

CHƯƠNG V
CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Điều 20. Bản án, quyết định có thể được công nhận và cho thi hành

Chương này áp dụng đối với bản án, quyết định của Toà án của hai Nước ký kết về các vấn đề dân sự, bao gồm cả các quyết định về bồi thường thiệt hại dân sự trong các bản án hình sự.

Điều 21. Điều kiện công nhận và cho thi hành

Bản án, quyết định của Toà án của Nước ký kết này được công nhận và có thể được cho thi hành trên lãnh thổ của Nước ký kết kia, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

1. Là bản án, quyết định của Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật của Nước ký kết được yêu cầu;

2. Luật áp dụng để giải quyết vụ việc là luật được chọn theo quy phạm xung đột pháp luật được công nhận trên lãnh thổ của Nước ký kết được yêu cầu. Tuy nhiên, luật áp dụng có thể khác với luật được chọn theo quy phạm xung đột pháp luật của Nước ký kết được yêu cầu, nếu việc áp dụng luật này hay luật kia đều dẫn đến cùng một kết quả;

3. Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và được cho thi hành. Tuy nhiên, đối với các vấn đề về nghĩa vụ cấp dưỡng, quyền nuôi dưỡng hoặc quyền thăm nom người chưa thành niên, thì bản án, quyết định có thể chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng được thi hành ngay trên lãnh thổ của Nước ký kết đã ra bản án, quyết định đó;

4. Các bên đương sự đã được triệu tập ra Toà, có đại diện của mình một cách hợp thức hoặc, nếu các bên vắng mặt, thì giấy triệu tập ra Toà đã được tống đạt hợp thức và trong thời gian cần thiết để bảo đảm quyền lợi của các bên;

5. Bản án, quyết định không trái với các nguyên tắc và giá trị cơ bản của Nước ký kết được yêu cầu;

6. Vụ kiện giữa chính các bên đương sự đó, có cùng căn cứ và cùng đối tượng như ở Nước ký kết yêu cầu:

- không phải là vụ án đang trong quá trình thụ lý và xem xét tại một Toà án của Nước ký kết được yêu cầu, hoặc
- chưa có bản án, quyết định nào của Nước ký kết được yêu cầu trước khi có bản án, quyết định đang được yêu cầu công nhận và cho thi hành, hoặc
- chưa có bản án, quyết định nào của nước thứ ba đã được công nhận tại Nước ký kết được yêu cầu trước khi có bản án, quyết định đang được yêu cầu công nhận và cho thi hành.

Điều 22. Thủ tục công nhận và cho thi hành

1. Thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự tuân theo pháp luật của Nước ký kết được yêu cầu.

2. Cơ quan tư pháp được yêu cầu không tiến hành bất kỳ sự xem xét nào đối với nội dung bản án, quyết định.

3. Nếu bản án, quyết định gồm nhiều phần, có thể cho thi hành từng phần.

Điều 23. Giấy tờ kèm theo

Người yêu cầu công nhận hoặc cho thi hành bản án, quyết định cần phải nộp các giấy tờ sau đây:

1. Bản sao bản án, quyết định có chứng thực hợp lệ;

2. Các giấy tờ xác nhận bản án, quyết định đã được tống đạt hoặc thông báo;

3. Nếu có, bản sao có chứng thực giấy triệu tập bên vắng mặt ra Toà và mọi giấy tờ xác nhận đương sự đã nhận được kịp thời giấy triệu tập ra Toà;

4. Các giấy tờ xác nhận bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành trên lãnh thổ của Nước ký kết đã ra bản án, quyết định đó và xác nhận bản án, quyết định này không còn có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục chung nữa, trừ trường hợp bản án, quyết định về nghĩa vụ cấp dưỡng, về quyền nuôi dưỡng hoặc quyền thăm nom người chưa thành niên.

Tất cả các giấy tờ này phải được gửi kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Nước ký kết được yêu cầu có chứng thực hợp thức của viên chức ngoại giao hoặc lãnh sự, hoặc của người có thẩm quyền trên lãnh thổ của một trong hai Nước ký kết.

CHƯƠNG VI
QUYẾT ĐỊNH CỦA TRỌNG TÀI

Điều 24. Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài

Nước ký kết này công nhận và cho thi hành trên lãnh thổ của nước mình các quyết định trọng tài được tuyên trên lãnh thổ của Nước ký kết kia theo quy định của Công ước New York ngày 10.6.1958 về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài.

CHƯƠNG VII
HỘ TỊCH VÀ MIỄN HỢP PHÁP HOÁ

Điều 25. Chuyển giao giấy tờ về hộ tịch

1. Nước ký kết này gửi cho Nước ký kết kia, theo yêu cầu, với mục đích quản lý hành chính ghi rõ trong yêu cầu, các giấy tờ và trích lục bản án, quyết định của Toà án liên quan đến hộ tịch của công dân của Nước ký kết yêu cầu.

2. Văn bản yêu cầu và các giấy tờ về hộ tịch được gửi qua đường ngoại giao hoặc lãnh sự. Văn bản yêu cầu và trích lục bản án, quyết định của Toà án được gửi qua Cơ quan trung ương.

Điều 26. Miễn hợp pháp hoá

Các giấy tờ nói tại Hiệp định này được miễn hợp pháp hoá.

Tuy nhiên, trong trường hợp có nghi ngờ xác đáng về chữ ký, tư cách của người ký, hoặc về nhận dạng của con dấu hoặc con tem, thì cơ quan có thẩm quyền của Nước ký kết yêu cầu có thể đề nghị Cơ quan trung ương của Nước ký kết đã cấp giấy tờ hoặc tài liệu đó xác minh tính xác thực của giấy tờ. Chỉ được yêu cầu xác minh tính xác thực của giấy tờ trong những trường hợp đặc biệt và phải nêu rõ lý do.

CHƯƠNG VIII
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 27. Theo dõi thực hiện Hiệp định

Đại diện của hai Nước ký kết sẽ gặp nhau khi cần thiết, nhằm đánh giá tình hình thực hiện Hiệp định này.

Điều 28. Giải quyết khó khăn trong việc thực hiện Hiệp định

Những khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết qua đường ngoại giao.

Điều 29. Thời điểm có hiệu lực

Hai Nước ký kết cam kết sẽ thông báo cho nhau về việc đã hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật nước mình để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày đầu tiên của tháng thứ hai sau ngày nhận được văn bản thông báo sau cùng về việc hoàn tất các thủ tục đó.

Điều 30. Thời hạn, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Hiệp định

1. Hiệp định này có giá trị vô thời hạn.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Hiệp định này phải được hai Nước ký kết trao đổi, bàn bạc với nhau.

3. Mỗi Nước ký kết có thể bãi bỏ Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào và việc bãi bỏ đó sẽ có hiệu lực sau 6 tháng, kể từ ngày Nước ký kết kia nhận được thông báo bãi bỏ Hiệp định.

Để làm bằng, các Đại diện toàn quyền của hai Nước ký kết đã ký và đóng dấu vào Hiệp định này.

Làm tại Paris, ngày 24 tháng 2 năm 1999, thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

Thay mặt **Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**	**Thay mặt** **Nước Cộng hoà Pháp**
NGUYỄN ĐÌNH LỘC	**ELISABETH GUIGOU**